

Số: 162 /QĐ-SKHĐT

Bắc Kạn, ngày 09 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp
tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015

GIÁM ĐỐC SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2016 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn;

Căn cứ Quyết định số 105a/QĐ-SKHĐT ngày 11/8/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung tài liệu Hệ thống tài liệu quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015;

Căn cứ biên bản họp xem xét Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 ngày 02/11/2021 của Ban chỉ đạo ISO Sở Kế hoạch và Đầu tư;

Xét đề nghị của Ban chỉ đạo ISO Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Kế hoạch và Đầu tư phù hợp tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/03/2014 của Thủ tướng Chính Phủ đối với các hoạt động trong phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ban hành.

Điều 3. Văn phòng Sở, Ban chỉ đạo ISO, các phòng, đơn vị thuộc Sở và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở KH&CN (b/c);
- Ban chỉ đạo ISO
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC



Trần Công Hòa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Kế hoạch và Đầu tư phù hợp Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với các lĩnh vực, hoạt động thuộc thẩm quyền của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

*(Theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 162/QĐ-SKHĐT
Ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư)*

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Bắc Kạn, ngày 09 tháng 11 năm 2021

GIÁM ĐỐC



Trần Công Hòa



PHỤ LỤC I

QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015
TẠI SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH BẮC KẠN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 162/QĐ-SKHĐT ngày 09/11/2021 của Giám đốc Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Kạn)

STT	Tên quy trình	Mã quy trình	Lần ban hành
A. MÔ HÌNH HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG			
1	Mô hình hệ thống quản lý chất lượng - Chính sách chất lượng - Mục tiêu chất lượng - Tổng hợp phân tích bối cảnh và quản trị rủi ro	- CSCL - MTCL - PTQTRR	Ban hành lần 1
2	Hướng dẫn kiểm soát thông tin dạng văn bản (tài liệu, hồ sơ)	HD.01	Ban hành lần 1
3	Hướng dẫn quản lý rủi ro, cơ hội	HD.02	Ban hành lần 1
4	Hướng dẫn Đánh giá nội bộ	HD.03	Ban hành lần 1
5	Hướng dẫn Kiểm soát sự KPII và HDKP	HD.04	Ban hành lần 1
B. CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ			
1	Quy trình mua sắm trang thiết bị	QT.VP.01	Ban hành lần 1
2	Quy trình xét thi đua - khen thưởng	QT.VP.02	Ban hành lần 1
3	Quy trình kiểm tra về hoạt động đấu thầu	QT.TT.01	Ban hành lần 1
4	Quy trình Tiếp nhận, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo	QT.TT.02	Ban hành lần 1
5	Quy trình lập – theo dõi kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hàng năm	QT.THQH.01	Ban hành lần 1
6	Quy trình lập – theo dõi kế hoạch đầu tư công hàng năm	QT.THQH.02	Ban hành lần 1
7	Quy trình thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	QT.KTN.02	Ban hành lần 1
C. CÁC QUY TRÌNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
I. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP			
Mục 1. Thành lập và hoạt động của Doanh nghiệp			
1	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	QT.ĐKKD.DN01	Ban hành lần 2
2	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	QT.ĐKKD.DN02	Ban hành lần 2
3	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	QT.ĐKKD.DN03	Ban hành lần 2
4	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	QT.ĐKKD.DN04	Ban hành lần 2
5	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	QT.ĐKKD.DN05	Ban hành lần 2
6	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	QT.ĐKKD.DN06	Ban hành lần 2
7	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	QT.ĐKKD.DN07	Ban hành lần 2
8	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	QT.ĐKKD.DN08	Ban hành lần 2
9	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	QT.ĐKKD.DN09	Ban hành lần 2
10	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	QT.ĐKKD.DN10	Ban hành lần 2



11	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	QT.ĐKKD.DN11	Ban hành lần 2
12	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	QT.ĐKKD.DN12	Ban hành lần 2
13	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết	QT.ĐKKD.DN13	Ban hành lần 2
14	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	QT.ĐKKD.DN14	Ban hành lần 2
15	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	QT.ĐKKD.DN15	Ban hành lần 2
16	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết	QT.ĐKKD.DN16	Ban hành lần 2
17	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	QT.ĐKKD.DN17	Ban hành lần 2
18	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)	QT.ĐKKD.DN18	Ban hành lần 2
19	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	QT.ĐKKD.DN19	Ban hành lần 2
20	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	QT.ĐKKD.DN20	Ban hành lần 2
21	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương	QT.ĐKKD.DN21	Ban hành lần 2
22	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	QT.ĐKKD.DN22	Ban hành lần 2
23	Thông báo lập địa điểm kinh doanh	QT.ĐKKD.DN23	Ban hành lần 2
24	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	QT.ĐKKD.DN24	Ban hành lần 2
25	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	QT.ĐKKD.DN25	Ban hành lần 2
26	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền	QT.ĐKKD.DN26	Ban hành lần 2
27	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty	QT.ĐKKD.DN27	Ban hành lần 2
28	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty	QT.ĐKKD.DN28	Ban hành lần 2
29	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	QT.ĐKKD.DN29	Ban hành lần 2
30	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	QT.ĐKKD.DN30	Ban hành lần 2
31	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)	QT.ĐKKD.DN31	Ban hành lần 2

32	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại	QT.ĐKKD.DN32	Ban hành lần 2
33	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	QT.ĐKKD.DN33	Ban hành lần 2
34	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	QT.ĐKKD.DN34	Ban hành lần 2
35	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	QT.ĐKKD.DN35	Ban hành lần 2
36	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	QT.ĐKKD.DN36	Ban hành lần 2
37	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	QT.ĐKKD.DN37	Ban hành lần 2
38	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	QT.ĐKKD.DN38	Ban hành lần 2
39	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)	QT.ĐKKD.DN39	Ban hành lần 2
40	Giải thể doanh nghiệp	QT.ĐKKD.DN40	Ban hành lần 2
41	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	QT.ĐKKD.DN41	Ban hành lần 2
42	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	QT.ĐKKD.DN42	Ban hành lần 2
43	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	QT.ĐKKD.DN43	Ban hành lần 2
44	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	QT.ĐKKD.DN44	Ban hành lần 2
45	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh	QT.ĐKKD.DN45	Ban hành lần 2
46	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán	QT.ĐKKD.DN46	Ban hành lần 2
47	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	QT.ĐKKD.DN47	Ban hành lần 2
48	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp	QT.ĐKKD.DN48	Ban hành lần 2



Mục 2. Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu

49	Thành lập công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập	QT.ĐKKD.DN49	Ban hành lần 1
50	Hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	QT.ĐKKD.DN50	Ban hành lần 1
51	Chia, tách công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	QT.ĐKKD.DN51	Ban hành lần 1
52	Tạm ngừng kinh doanh công ty TNHH một thành viên	QT.ĐKKD.DN52	Ban hành lần 1
53	Giải thể công ty TNHH một thành viên	QT.ĐKKD.DN53	Ban hành lần 1

II. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP XÃ HỘI

54	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội	QT.ĐKKD.MTXH01	Ban hành lần 2
55	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	QT.ĐKKD.MTXH02	Ban hành lần 2
56	Thông báo chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	QT.ĐKKD.MTXH03	Ban hành lần 2

III. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ

57	Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã	QT.ĐKKD.75	Ban hành lần 1
----	--	------------	----------------

58	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	QT.ĐKKD.76	Ban hành lần 1
59	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	QT.ĐKKD.77	Ban hành lần 1
60	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	QT.ĐKKD.78	Ban hành lần 1
61	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia	QT.ĐKKD.79	Ban hành lần 1
62	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách	QT.ĐKKD.80	Ban hành lần 1
63	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất	QT.ĐKKD.81	Ban hành lần 1
64	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập	QT.ĐKKD.82	Ban hành lần 1
65	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	QT.ĐKKD.83	Ban hành lần 1
66	Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã	QT.ĐKKD.84	Ban hành lần 1
67	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	QT.ĐKKD.85	Ban hành lần 1
68	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã	QT.ĐKKD.86	Ban hành lần 1
69	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	QT.ĐKKD.87	Ban hành lần 1
70	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	QT.ĐKKD.88	Ban hành lần 1
71	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã	QT.ĐKKD.89	Ban hành lần 1
IV. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM			
72	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	QT.ĐKKD.ĐTTVN01	Ban hành lần 1
73	Thủ tục điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	QT.ĐKKD.ĐTTVN02	Ban hành lần 1
74	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	QT.ĐKKD.ĐTTVN03	Ban hành lần 1
75	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	QT.ĐKKD.ĐTTVN04	Ban hành lần 1
76	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	QT.ĐKKD.ĐTTVN05	Ban hành lần 1
77	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	QT.ĐKKD.ĐTTVN06	Ban hành lần 1
78	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	QT.ĐKKD.ĐTTVN07	Ban hành lần 1
79	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	QT.ĐKKD.ĐTTVN08	Ban hành lần 1
80	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	QT.ĐKKD.ĐTTVN09	Ban hành lần 1
81	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	QT.ĐKKD.ĐTTVN10	Ban hành lần 1

82	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	QT.ĐKKD.DTTVN11	Ban hành lần 1
83	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	QT.ĐKKD.DTTVN12	Ban hành lần 1
84	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	QT.ĐKKD.DTTVN13	Ban hành lần 1
85	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	QT.ĐKKD.DTTVN14	Ban hành lần 1
86	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	QT.ĐKKD.DTTVN15	Ban hành lần 1
87	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	QT.ĐKKD.DTTVN16	Ban hành lần 1
88	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	QT.ĐKKD.DTTVN17	Ban hành lần 1
89	Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	QT.ĐKKD.DTTVN18	Ban hành lần 1
90	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	QT.ĐKKD.DTTVN19	Ban hành lần 1
91	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài	QT.ĐKKD.DTTVN20	Ban hành lần 1
92	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	QT.ĐKKD.DTTVN21	Ban hành lần 1
93	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	QT.ĐKKD.DTTVN22	Ban hành lần 1
V. LĨNH VỰC ĐÁU THẦU			
94	Danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất	QT.ĐKKD.ĐT01	Ban hành lần 2
VI. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ			
95	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	QT.ĐKKD.PPP01	Ban hành lần 1
96	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	QT.ĐKKD.PPP02	Ban hành lần 1
97	Thẩm định nội dung điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	QT.ĐKKD.PPP03	Ban hành lần 1
98	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	QT.ĐKKD.PPP04	Ban hành lần 1
VII. LĨNH VỰC HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA			
99	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	QT.ĐKKD.124	Ban hành lần 1
100	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	QT.ĐKKD.125	Ban hành lần 1
101	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	QT.ĐKKD.126	Ban hành lần 1



102	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	QT.ĐKKD.127	Ban hành lần 1
103	Thông báo chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư	QT.ĐKKD.128	Ban hành lần 1
104	Đề nghị hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn	QT.ĐKKD.129	Ban hành lần 1
105	Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp	QT.ĐKKD.130	Ban hành lần 1
VIII. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN			
106	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ	QT.ĐKKD.131	Ban hành lần 1
107	Nghiệm thu hoàn thành các hạng mục đầu tư hoặc toàn bộ dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ.	QT.ĐKKD.132	Ban hành lần 1
108	Giải ngân khoản vốn hỗ trợ cho doanh nghiệp	QT.ĐKKD.133	Ban hành lần 1
IX. VỐN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA) VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI VÀ VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI			
109	Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	QT.KTĐN.01	Ban hành lần 1
110	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	QT.KTĐN.02	Ban hành lần 1
111	Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng	QT.KTĐN.03	Ban hành lần 1
112	Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm	QT.KTĐN.04	Ban hành lần 1
113	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại	QT.KTĐN.05	Ban hành lần 1
114	Xác nhận chuyên gia	QT.KTĐN.06	Ban hành lần 1
115	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	QT.KTĐN.07	Ban hành lần 1
116	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	QT.KTĐN.08	Ban hành lần 1
117	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	QT.KTĐN.09	Ban hành lần 1